

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
ĐƠN VỊ: KHOA XÂY DỰNG

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 3, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	<b>Quản lý tài chính doanh nghiệp xây dựng</b>		
Mã học phần:	<b>71CEMN40092</b>	Số tin chỉ:	<b>02</b>
Mã nhóm lớp học phần:	<b>233_71CEMN40092_01</b>		
Hình thức thi:	<b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>75</b> phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 05/07/2024.**

**Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):**

**Gợi ý:**

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:  
+ **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1  
+ **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

**II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO**

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	<b>Giải thích</b> các báo cáo tài chính, thành phần nguồn vốn, các chỉ tiêu tài chính trong việc phân tích báo cáo tài chính và quản lý tài chính trong doanh nghiệp	Trắc nghiệm + Tự luận	53%	- Câu 5, 9, 10, 11, 13, 16: mỗi câu 0,25 điểm - Câu 6, 7, 8, 20: mỗi câu 0,35 điểm - Câu 21: 2,4 đ	5,3 đ	PLO4_R
CLO2	<b>Áp dụng</b> các kiến thức về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, mức sinh lời, số tiền đầu tư trong quá trình ra quyết định đầu tư, huy động vốn tại doanh nghiệp ngành XD	Trắc nghiệm	31%	- Câu 3, 12, 17, 18: mỗi câu 0,25 điểm - Câu: 1, 2, 4, 14, 15, 19: mỗi câu 0,35 điểm	3,1 đ	PLO4_R
CLO3	<b>Thực hiện</b> thành thạo các tính toán để phân tích báo cáo tài chính và đánh giá việc ra quyết định đầu tư, huy động vốn và quản lý tài chính DN một cách hiệu quả.	Trắc nghiệm + Tự luận	16%	- Câu 3, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 18: mỗi câu 0,1 điểm - Câu 21: 0,6 đ	1,6 đ	PLO9_R

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm

CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### **PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu hỏi + mỗi câu 0,35 điểm)**

Câu 1. Quyết định đầu tư của một công ty còn được gọi là:

- A. Quyết định ngân sách vốn**
- B. Quyết định khả năng tiền mặt
- C. Quyết định tài trợ
- D. Không câu nào đúng

ANSWER: A

Câu 2. Quyết định liên quan đến một tài sản cố định nào đó sẽ được mua, được gọi là quyết định....

- A. hoạch định ngân sách vốn**
- B. tài trợ
- C. cấu trúc vốn
- D. vốn lưu động

ANSWER: A

Câu 3. Một người gửi tiết kiệm 100 triệu đồng trong thời hạn 5 năm với lãi suất 5%/năm theo phương thức tính lãi kép. Số tiền cuối năm thứ 5 người đó có thể nhận xấp xỉ là:

- A. 127,63 triệu đồng**
- B. 120,63 triệu đồng
- C. 121,67 triệu đồng
- D. 125,67 triệu đồng

ANSWER: A

Câu 4. Câu nào sau đây không phải là tài sản lưu động

- A. Tiền lương**
- B. Các khoản phải thu
- C. Hàng tồn kho
- D. Tất cả các câu trên đều là tài sản lưu động

ANSWER: A

Câu 5. Cho biết hàng tồn kho = 1000, số ngày trong kỳ = 360 ngày, số ngày một vòng hàng tồn kho = 25 ngày. Giá vốn hàng bán bằng bao nhiêu?

- A. 14400**
- B. 18000
- C. 36000

D. 12500

ANSWER: A

Câu 6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh:

**A. Các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh phát sinh trong một kỳ kế toán**

B. Các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp tại một thời điểm cụ thể

C. Tình hình tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp tại một thời điểm cụ thể

D. Tình hình tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định

ANSWER: A

Câu 7. Giả sử báo cáo tài chính của một công ty cổ phần có đầy đủ khoản mục theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, chỉ tiêu nào sau đây là bé nhất:

**A. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

B. Lãi gộp từ hoạt động kinh doanh

C. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp

D. Các chỉ tiêu trên là tương đương nhau

ANSWER: A

Câu 8. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

**A. Phản ánh lượng tiền hình thành, sử dụng phát sinh trong kỳ báo cáo và cho biết doanh nghiệp có bao nhiêu tiền tại thời điểm cuối kỳ**

B. Phản ánh khả năng tạo tiền, sử dụng tiền của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo và cho biết doanh nghiệp có bao nhiêu tiền tại thời điểm cuối kỳ

C. Cả 2 câu đều đúng

D. Cả 2 câu đều sai

ANSWER: A

Câu 9. Cho lợi nhuận trước thuế trong kỳ = 600, vốn vay trong kỳ = 400, lãi suất vay = 10%/kỳ, hãy tính EBIT trong kỳ:

**A. 640**

B. 460

C. 82

D. 120

ANSWER: A

Câu 10. Cho tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn = 8000, hàng hóa tồn kho = 3000, nợ ngắn hạn = 6000, khả năng thanh toán nhanh bằng bao nhiêu?

**A. 0,83**

B. 0,8

C. 1,2

D. 1,4

ANSWER: A

Câu 11. Cho doanh thu thuần = 6000, lãi gộp = 2000, hàng tồn kho = 400, số vòng quay hàng tồn kho bằng bao nhiêu?

**A. 15**

B. 20

C. 10

D. 0,1

ANSWER: A

Câu 12. Công ty cổ phần A có lợi nhuận sau thuế 60.000, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, công ty tiến hành trích lập quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ là 5%, quỹ dự trữ bắt buộc là 5%, trích lập quỹ phúc lợi là 20% lợi nhuận sau thuế. Số lãi thực dành cho cổ đông phổ thông là bao nhiêu?

**A. 42.000**

B. 38.000

C. 40.000

D. 48.000

ANSWER: A

Câu 13. Cho: EBIT = 440; Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp  $t=28\%$ ; Lãi vay  $R=40$ ; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp bằng bao nhiêu?

**A. 288**

B. 112

C. 480

D. 134

ANSWER: A

Câu 14. IRR được định nghĩa như là:

**A. Tỷ suất chiết khấu mà tại đó NPV của dự án bằng 0**

B. Sự khác biệt giữa chi phí sử dụng vốn và giá trị hiện tại của dòng tiền

C. Tỷ suất chiết khấu sử dụng trong phương pháp NPV

D. Tỷ suất chiết khấu sử dụng trong phương pháp thời gian hoàn vốn có chiết khấu DPP

ANSWER: A

Câu 15. Dự án A và B xung khắc, dự án A được chọn khi:

**A.  $NPV(A) > NPV(B) > 0$** B.  $0 > NPV(A) > NPV(B)$ C.  $NPV(A) = NPV(B)$ D.  $NPV(A) < NPV(B)$ 

ANSWER: A

Câu 16. Cho EBIT = 100, khấu hao = 40, lãi vay = 20, cổ tức = 10, tính khả năng thanh toán lãi vay?

**A. 5,0**

B. 7,0

C. 4,7

D. 14,0

ANSWER: A

Câu 17. Một chủ doanh nghiệp đang cân nhắc việc thực hiện dự án A. Với số vốn đầu tư ban đầu là 500 triệu và dòng tiền thu về doanh nghiệp dự kiến trong các năm sau lần lượt là: 100 triệu, 300 triệu, 200 triệu. Biết tỷ lệ chiết khấu của dự án này là 10%. Tính NPV.

**A. -10.894**

- B. -12.568
- C. 10.894
- D. 12.568

ANSWER: A

Câu 18. Một chủ đầu tư vay ngân hàng 20 tỷ đồng với lãi suất 10%/năm trong thời hạn 10 năm, vốn và lãi trả 1 lần khi đáo hạn. Để tránh bị khó khăn trong việc trả nợ, chủ đầu tư đó đã định kỳ cuối mỗi năm gửi vào ngân hàng 1 khoản tiền nhằm mục đích khi đáo hạn rút ra sẽ đủ tiền để trả nợ vay. Hãy tính số tiền cần phải gửi ngân hàng mỗi năm? Biết rằng lãi suất tiền gửi ngân hàng là 8,6%/năm.

**A. 3,48 tỷ**

B. 1,74 tỷ

C. 2,86 tỷ

D. 4,15 tỷ

ANSWER: A

Câu 19. Những nhân tố nào ảnh hưởng đến nhu cầu vốn lưu động, chọn đáp án sai:

**A. Các khoản đầu tư dài hạn**

B. Tính chất ngành nghề kinh doanh mà mức độ hoạt động của doanh nghiệp

C. Chính sách chế độ về lao động và tiền lương đối với người lao động

D. Những nhân tố về chính sách tín dụng và tổ chức thanh toán

ANSWER: A

Câu 20. Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc:

**A. Chi phí khác**

B. Chi phí tài chính

C. Chi phí quản lý doanh nghiệp

D. Chi phí bán hàng

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (01 câu hỏi 3 điểm)****Câu hỏi 21: (3 điểm)**

Cho biết Công ty Cổ phần Hưng Phát kinh doanh trong ngành xây dựng cơ bản có Bảng cân đối kế toán như sau (đơn vị tính: triệu đồng):

TÀI SẢN	2023	2022	NGUỒN VỐN	2023	2022
<b>A.Tài sản ngắn hạn</b>	<b>13.000</b>	<b>11.000</b>	<b>A.Nợ phải trả</b>	<b>21.800</b>	<b>18.300</b>
1.Tiền	1.600	1.200	1.Nợ ngắn hạn	3.100	2.300
2.Các khoản tương đương tiền	2.700	2.300	2.Nợ dài hạn	18.700	16.000
3.Các khoản phải thu	3.900	4.800			
4.Hàng tồn kho	4.800	2.700	<b>B.Vốn chủ sở hữu</b>	<b>43.100</b>	<b>42.500</b>
<b>B.Tài sản dài hạn</b>	<b>51.900</b>	<b>49.800</b>	1.Vốn cổ phần	30.000	30.000
1.TSCĐ	47.000	46.000	2.Thặng dư vốn	5.200	5.700
2.Đầu tư dài hạn	4.900	3.800	3.Các quỹ	7.900	6.800
<b>Tổng cộng tài sản:</b>	<b>64.900</b>	<b>60.800</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>64.900</b>	<b>60.800</b>

Các chỉ tiêu bổ sung:

Chỉ tiêu	2023	2022
+ Lợi nhuận sau thuế	93.700	72.900
+ Doanh thu thuần	980.000	870.000

**Yêu cầu:** Đánh giá tình hình tài chính của công ty theo nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh (khả năng sinh lời) và nêu nhận xét cho từng tiêu chí.

## ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án					Thang điểm
<b>I. Trắc nghiệm</b>						<b>7,0</b>
Câu 1 – 20	A					0,35
<b>II. Tự luận</b>						<b>3,0</b>
Nội dung a.	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cách tính</b>	<b>2023</b>	<b>2022</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>1,5</b>
	<b>1.Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)</b>	Lợi nhuận sau thuế/ Tài sản bình quân	= 93.700/64.900 =1,44	= 72.900/60.800 =1,20	+0,24	0,5
	<b>2.Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH (ROE)</b>	Lợi nhuận sau thuế/ VCSH bình quân	= 93.700/43.100 =2,17	= 72.900/42.500 =1,72	+0,45	0,5
	<b>3.Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)</b>	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	= 93.700/980.000 =0,09	= 72.900/870.000 =0,08	+0,01	0,5
Nội dung b.	<p><b>Nhận xét:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ tiêu ROA năm nay cao hơn năm trước 0.24 và ở cả 2 năm đều ở mức rất cao phản ánh hiệu quả sử dụng các tài sản của doanh nghiệp là khả quan. Đây cũng là nhân tố rất quan trọng để thu hút các nhà đầu tư, nâng cao giá trị của doanh nghiệp.</li> <li>- Chỉ tiêu ROE năm nay tăng so với năm trước 0,45 và ở cả 2 năm đều ở mức rất cao thể hiện hiệu quả sử dụng vốn rất tốt. Điều này sẽ thu hút thêm các nhà đầu tư vào doanh nghiệp hoặc có cơ sở để vay thêm vốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.</li> <li>- Chỉ tiêu ROS năm nay cũng tăng so với năm trước 0,01. Tuy nhiên so với tốc độ tăng của ROA và ROE thì lại thấy xu hướng tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp, điều này rất tốt.</li> </ul>					<b>1,5</b>
	<b>Điểm tổng</b>					<b>10,0</b>



**Người duyệt đề**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024*  
**Giảng viên ra đề**

**PGS.TS. Ngô Quang Trường**

**ThS. Phạm Thị Tình Thương**